

PHỤ LỤC I

Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với hộ gia đình, cá nhân

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU (đồng)	
			Khu vực phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã trực thuộc tỉnh	Khu vực khác
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu			
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	Giấy chứng nhận	25.000	12.500
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	100.000	50.000
II	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận)			
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	Giấy chứng nhận/lần	20.000	10.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Giấy chứng nhận/lần	50.000	25.000
III	Chứng nhận đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận	Giấy chứng nhận/lần	28.000	14.000
IV	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính			
1	Trích lục bản đồ địa chính	Mảnh/thửa	15.000	8.000
2	Văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Lần/thửa	15.000	8.000

Ghi chú: Trường hợp thửa đất có nhiều người chung quyền sử dụng đất, nhiều người sở hữu chung tài sản gắn liền với đất, nếu cấp mỗi người một giấy thì việc thu lệ phí tính theo đơn vị tính là Giấy chứng nhận riêng từng người.

PHỤ LỤC II

Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với tổ chức

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU (đồng)
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	Giấy chứng nhận	100.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất		
-	Nhà ở (công trình xây dựng) có diện tích dưới 300m ²	Giấy chứng nhận	300.000
-	Nhà ở (công trình xây dựng) có diện tích từ 300m ² đến 700m ²	Giấy chứng nhận	400.000
-	Nhà ở (công trình xây dựng) có diện tích trên 700m ²	Giấy chứng nhận	500.000
3	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất		
-	Nhà ở (công trình xây dựng) có diện tích dưới 300m ²	Giấy chứng nhận	200.000
-	Nhà ở (công trình xây dựng) có diện tích từ 300m ² đến 700m ²	Giấy chứng nhận	300.000
-	Nhà ở (công trình xây dựng) có diện tích trên 700m ²	Giấy chứng nhận	400.000
II	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận)		
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	Giấy chứng nhận/lần	50.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất	Giấy chứng nhận/lần	50.000
3	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất	Giấy chứng nhận/lần	50.000
III	Chứng nhận đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận	Giấy chứng nhận/lần	30.000
IV	Trích lục bản đồ địa chính; văn bản; số liệu hồ sơ địa chính		
1	Trích lục bản đồ địa chính	Mảnh/thửa	30.000
2	Văn bản; số liệu hồ sơ địa chính	Lần/thửa	30.000

Ghi chú: Trường hợp thửa đất có nhiều tổ chức chung quyền sử dụng đất, nhiều tổ chức sở hữu chung tài sản gắn liền với đất, nếu cấp mỗi tổ chức một giấy thì việc thu lệ phí tính theo đơn vị tính là Giấy chứng nhận riêng từng tổ chức.